

Số: /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia và Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1090/QĐ-BCT ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương, cụ thể:

1. Danh mục TTHC cấp tỉnh:

- TTHC mới ban hành: 01 TTHC.

2. Nội dung cụ thể của TTHC.

3. Quy trình nội bộ và điện tử đối với TTHC.

4. Danh mục thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa đối với TTHC.

(Có phụ lục kèm theo gồm: Phụ lục 1. Danh mục TTHC, Phụ lục 2. Nội dung; thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa; quy trình nội bộ, điện tử đối với TTHC cấp tỉnh).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai TTHC tại nơi tiếp nhận hồ sơ, trang thông tin điện tử của đơn vị theo đúng quy định đối với TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết.

2. Giao Sở Công Thương cập nhật nội dung TTHC, quy trình nội bộ, liên thông và điện tử của TTHC lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cập nhật tất cả nội dung của TTHC lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (Cục KS TTHC);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP: LĐVP, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Đ).

CHỦ TỊCH

Phạm Thành Ngại

Phụ lục 1
DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Phí, lệ phí		TTHC liên thông, không thuộc địa giới hành chính (phi địa giới)			Dịch vụ công trực tuyến			Dịch vụ BCCI	Ghi chú
			Phí	Lệ phí	Cùng cấp	02 cấp	Phi địa giới ¹	Toàn trình	Một phần	Cung cấp thông tin		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI												
LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU												
1	1.115117	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu UAE-VN	x		x		x	x				

¹ Phạm vi cả nước

Phụ lục 2
NỘI DUNG, THÀNH PHẦN HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC
CẦN PHẢI SỐ HÓA; QUY TRÌNH NỘI BỘ, ĐIỆN TỬ
ĐỐI VỚI TTHC CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND-HC ngày tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

I. LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu UAE - VN, 1.115117

(1) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Thương nhân khai báo hồ sơ đăng ký thương nhân lần đầu qua Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCosys) của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn

- Thương nhân khai báo thông tin, đính kèm hồ sơ đề nghị cấp C/O tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn, hoặc nộp trực tiếp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Sở Công Thương hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Công Thương và nộp phí C/O.

Bước 2: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O kiểm tra xem bộ hồ sơ có hợp lệ hay không và thông báo cho thương nhân một trong các nội dung sau:

1. Chấp nhận cấp C/O và thời gian thương nhân sẽ nhận được C/O;
2. Đề nghị bổ sung chứng từ (nêu cụ thể những chứng từ cần bổ sung);
3. Đề nghị kiểm tra lại chứng từ (nêu cụ thể thông tin cần kiểm tra nếu có bằng chứng cụ thể, xác thực làm căn cứ cho việc đề nghị kiểm tra này);
4. Từ chối cấp C/O nếu phát hiện những trường hợp quy định tại Điều 21 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa (sau đây gọi là Nghị định số 31/2018/NĐ-CP) hoặc nếu phát hiện lô hàng đã được xuất khẩu quá 1 năm kể từ ngày giao hàng;
5. Đề nghị kiểm tra tại cơ sở sản xuất của thương nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP (nếu cần thiết).

Bước 3: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O thẩm định hồ sơ bổ sung (nếu có); ký phê duyệt và trình người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O ký cấp phép C/O.

Bước 4: Người có thẩm quyền của Tổ chức cấp C/O

- Ký cấp phép C/O và trả kết quả C/O dưới dạng bản pdf cho thương nhân trên hệ thống eCoSys (không cần thực hiện Bước 5 và Bước 6); hoặc

- Ký cấp tay C/O giấy (tiếp tục thực hiện Bước 5 và Bước 6).

Bước 5: Cán bộ của Tổ chức cấp C/O đóng dấu lên C/O, vào sổ theo dõi và kết thúc hồ sơ trên hệ thống eCoSys.

Bước 6: Tổ chức cấp C/O trả C/O cho thương nhân.

(2) Địa điểm thực hiện:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp: Quầy số 13 - 0273.3993889 tại địa chỉ: số 377, đường Hùng Vương, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp;

- TTHC thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

- TTHC thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến: www.ecosys.gov.vn

(3) Cách thức thực hiện:

- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Nộp thông qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:

4.1. Hồ sơ đăng ký thương nhân gồm:

a) Hồ sơ đăng ký thương nhân bao gồm:

- Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký đơn đề nghị cấp C/O và mẫu con dấu của thương nhân theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (có dấu sao y bản chính của thương nhân).

- Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (Mẫu số 02 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

- Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp C/O (Mẫu số 03 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

4.2. Hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm:

a) Đối với thương nhân đề nghị cấp C/O lần đầu hoặc cho sản phẩm mới xuất khẩu lần đầu hoặc cho sản phẩm không cố định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa gồm:

- Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo (Mẫu số 04 thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP).

- Mẫu C/O mẫu UAE - VN đã được khai hoàn chỉnh (Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2026/TT-BCT ngày 05/5/2026).

- Bản in tờ khai hải quan xuất khẩu. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không phải khai báo hải quan theo quy định của pháp luật không cần nộp bản sao tờ khai hải quan.

- Bản sao hóa đơn thương mại (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

- Bản sao vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) trong trường hợp thương nhân không có vận tải đơn. Thương nhân được xem xét không cần nộp chứng từ này trong trường hợp xuất khẩu hàng hóa có hình thức giao hàng không sử dụng vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải khác theo quy định của pháp luật hoặc thông lệ quốc tế.

- Bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi hoặc tiêu chí xuất xứ không ưu đãi theo mẫu do Bộ Công Thương quy định tại Thông tư 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định xuất xứ hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu do Bộ Công Thương quy định trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác (Phụ lục X ban hành kèm Thông tư 05/2018/TT-BCT).

- Bản sao Quy trình sản xuất hàng hóa (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân).

- Trong trường hợp cần thiết, tổ chức cấp C/O yêu cầu thương nhân đề nghị cấp C/O nộp bổ sung các chứng từ dưới dạng bản sao (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) liên quan đến nguyên liệu nhập khẩu hoặc nguyên liệu mua bán/sản xuất trong nước.

b) Đối với thương nhân sản xuất và xuất khẩu sản phẩm cố định, hồ sơ đề nghị cấp C/O gồm:

- Trong lần đề nghị cấp C/O đầu tiên, hồ sơ bao gồm các chứng từ đã liệt kê tại mục a.

- Từ lần đề nghị cấp C/O tiếp theo, hồ sơ chỉ cần nộp các chứng từ theo quy định từ điểm a đến điểm đ Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP. Các chứng từ trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa nêu tại điểm e, điểm g và điểm h, Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP có giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thương nhân nộp cho Tổ chức cấp C/O. Trong trường hợp có sự thay đổi liên quan các chứng từ này trong thời hạn 02 năm, thương nhân phải cập nhật cho Tổ chức cấp C/O.

c) Trong trường hợp chưa có các chứng từ nêu tại điểm c và điểm đ Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP, thương nhân đề nghị cấp C/O có thể nộp các chứng từ nhưng không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp C/O. Sau thời hạn

này nếu thương nhân không nộp bổ sung chứng từ, tổ chức cấp C/O yêu cầu thu hồi hoặc hủy C/O theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP.

4.3 Số lượng hồ sơ: 01 bộ

(5) Thời hạn giải quyết:

a) Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được đính kèm trên hệ thống eCosys dưới dạng điện tử:

- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ dưới dạng điện tử, kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O) được thông báo trên hệ thống eCosys.

- Trong thời hạn 2 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được đơn đề nghị cấp C/O và C/O được khai hoàn chỉnh và hợp lệ dưới dạng bản giấy, Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O dưới dạng bản giấy.

b) Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O trực tiếp tại trụ sở của Tổ chức cấp C/O dưới dạng bản giấy, trong thời hạn 8 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ. Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

c) Đối với trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O của thương nhân được nộp qua bưu điện, trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Tổ chức cấp C/O nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O đầy đủ và hợp lệ theo ngày ghi trên bì thư. Tổ chức cấp C/O trả kết quả cấp C/O.

(6) Đối tượng thực hiện TTHC: Thương nhân

(7) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Sở Công Thương;

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Ủy ban nhân dân tỉnh.

(8) Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi mẫu UAE - VN.

(9) Phí, lệ phí:

* Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: theo biểu thu phí (STT 38) tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

- Trường hợp cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 30.000 đồng/bộ C/O.

- Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 15.000 đồng/bộ C/O.

* Sau ngày 31/12/2026 thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/06/2023:

- Trường hợp cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 60.000 đồng/bộ C/O.

- Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa: 30.000 đồng/bộ C/O.

(10) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đăng ký mẫu chữ ký của người được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và con dấu của thương nhân (thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Mẫu số 02: Danh mục các cơ sở sản xuất của thương nhân (thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Mẫu số 03: Đơn đề nghị thay đổi nơi cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Mẫu số 04: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP);

- Mẫu số 5: Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu UAE-VN: sử dụng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2026/TT-BCT).

(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không

(12) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 36/2023/TT-BTC ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O);

- Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về xuất xứ hàng hóa;

- Thông tư số 24/2026/TT-BCT ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu.

- Thông tư số 40/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

(13) Thành phần hồ sơ cần phải số hóa: tại mục (4)

(14) Kết quả giải quyết TTHC cần phải số hóa: (tại mục (8))

(15) Quy trình nội bộ, quy trình điện tử TTHC: thực hiện theo quy trình Bộ Công Thương cấu hình tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử (eCoSys) với địa chỉ www.ecosys.gov.vn

Mẫu số 01*(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)***ĐĂNG KÝ MẪU CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN KÝ
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O VÀ MẪU CON DẤU CỦA THƯƠNG NHÂN***....., ngày.....tháng.....năm.....*

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân:(tên thương nhân)

Địa chỉ:(địa chỉ của thương nhân)

1. Đề nghị được đăng ký các cá nhân của thương nhân có tên, mẫu chữ ký và dấu dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Mẫu chữ ký	Mẫu dấu

có thẩm quyền hoặc được ủy quyền ký Đơn đề nghị cấp C/O và các chứng từ kèm theo.

2. Đăng ký các cá nhân có tên dưới đây:

TT	Họ và tên	Chức danh	Phòng (Công ty)	Số CMND và ngày cấp

được ủy quyền tới liên hệ cấp C/O tại ... (tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O).

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký, ủy quyền này./.

.....

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02*(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)***DANH MỤC CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT CỦA THƯƠNG NHÂN***....., ngày tháng năm*

Kính gửi:(tên của cơ quan, tổ chức cấp C/O)

Thương nhân: (tên thương nhân)

Địa chỉ: (địa chỉ của thương nhân)

Đề nghị được đăng ký các cơ sở sản xuất hàng hóa xuất khẩu của công ty chúng tôi như sau:

TT	Tên, địa chỉ, điện thoại, fax của cơ sở	Phụ trách cơ sở	Diện tích nhà xưởng	Mặt hàng sản xuất để xuất khẩu (ghi riêng từng dòng cho mỗi mặt hàng)			
				Tên hàng	Số lượng công nhân	Số lượng máy móc	Công suất theo tháng

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký này./.

.....

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03*(thuộc Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 31/2018/NĐ-CP)***TÊN THƯƠNG NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI CẤP C/O

Kính gửi: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại

Tên thương nhân:

- Địa chỉ trụ sở chính*:Số điện thoại:Số fax:

- Địa chỉ website (nếu có):

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư số: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp ngày tháng năm.....

- Mã số thuế:

1. Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa, thương nhân đề nghị được thay đổi nơi cấp C/O với các thông tin sau:

- Từ: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O hiện tại.

- Đến: Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O khác.

2. Các lý do thay đổi nơi cấp C/O khác với nơi đăng ký hồ sơ thương nhân hiện tại, bao gồm:

- Thuận lợi hóa thủ tục xuất khẩu hàng hóa của thương nhân.

- Các lý do khác (nếu có):

3. Thương nhân xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được khai tại Đơn này và hồ sơ đính kèm đơn này. Thương nhân cam kết thực hiện theo đúng các quy định về xuất xứ hàng hóa của Nghị định số 31/2018/NĐ-CP./.

Người đại diện
theo pháp luật của thương nhân

.....

*(Ký tên, ghi rõ họ tên,
chức danh và đóng dấu)***Lưu ý: (*) Mục địa chỉ trụ sở chính:** Đề nghị ghi cụ thể, chính xác số nhà (nếu có); đường/phố (hoặc thôn, xóm, ấp); xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh; tỉnh/thành phố.

<p>17. Ghi chú của Cơ quan, tổ chức cấp C/O:</p> <p>- Người kiểm tra:</p> <p>- Người ký:</p> <p>- Người trả:</p> <p>- Đề nghị đóng:</p> <p>▪ Đóng dấu “Issued retroactively/Issued retrospectively” <input type="checkbox"/></p> <p>▪ Đóng dấu “Certified true copy” <input type="checkbox"/></p>	<p>18. Công ty... xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật.</p> <p><i>Làm tại.....ngày.....tháng.....năm.....</i></p> <p>Người đại diện theo pháp luật của thương nhân <i>(Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)</i></p>
---	---

*Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, thương nhân phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

MẪU C/O UAE - VN CỦA VIỆT NAM*(Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2026/TT-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2026)*

1. Exporter's name, address, country)			4. Certificate no. COMPREHENSIVE ECONOMIC PARTNERSHIP AGREEMENT BETWEEN THE GOVERNMENT OF THE UNITED ARAB EMIRATES AND THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM CERTIFICATE OF ORIGIN FORM UAE - VN Issued in _____ (Country) See Overleaf Notes	
2. Producer's Name, address, country (Optional)				
3. Importer's name and address, country		6. Country of destination		
5. Means of transport and route, (optional) Shipment Date: Vessel's Name / Aircraft, etc. Port of Discharge: Port of Destination:		6. <input type="checkbox"/> Non-party invoice (Name of non-party)		
		7. Observations		
8. Item number	9. Marks and numbers on packages; Number and kind of packages; Description of goods; HS code in six digits	10. Origin Criteria	11. Gross Weight, Quantity	12. Number and date of invoices

13. Declaration by the exporter The Undersigned hereby declares that he/she has read the instructions for filling out this certificate and that the goods comply with the origin requirements specified in this Agreement.

Date:

Stamp and **Signature**

14. Certification We hereby certify the authenticity of this certificate and that it was issued in accordance with the provisions of the Agreement.

Stamp and **Signature**

[QR Code or Website]

Date, signature and stamp of Competent Authority

OVERLEAF NOTES

Box 1: State the full legal name, address, (including country) of the exporter.

Box 2: Provide the producer of the goods (name and country). If the producer and the exporter are the same, complete box with the details as on Box 1. If the exporter or the producer wishes this information to be confidential, then it is acceptable to state "Available to the competent authority or authorized body upon request".

Box 3: State the full legal name, address (including country) of the importer.

Box 4: State the certificate number. This box is for the use of the issuing authority.

Box 5: Provided it is known complete the means of transport and route and specify the departure date, transport vehicle No., port of loading and discharge.

Box 6: In the case where invoices are issued by a non-party, the "Non-party invoice" box should be ticked (v) and such information as the name and address of the company issuing the invoice shall be indicated. In an exceptional case where the invoice issued by a non-party is not available at the time of issuance of the certificate of origin, filling Box 6 shall not be required.

Box 7: This box shall bear observations made by the country of exportation, for example: "Issued Retrospectively": In exceptional cases where a Certificate of Origin has not been issued prior to or at the time of shipment or the Certificate of Origin may be issued retrospectively, in accordance with paragraph 1 of Article 3.25 (Certificate of Origin Issued Retrospectively). "Certified True Copy": In case of loss or destruction of the original Certificate of Origin in accordance with Article 3.26 (Loss of the Certificate of Origin). "Replacement": In case of issuing a replacement Certificate of Origin in accordance with Article 3.28 (Treatment of Erroneous Declaration in the Certificate of Origin), indicate the number of the previous Certificate of Origin.

Box 8: State the item number.

Box 9: Provide a full description of each good. The description should be sufficiently detailed to enable the products to be identified by the Customs Officers examining them and relate it to the invoice description and to the HS description of the good. Shipping Marks and numbers on the packages, number and kind of package shall also be specified. For each good, identify the correct six-digit HS tariff classification of the good. If the tariff classification is given in more than six-digits, only the first six-digits will be taken into consideration.

Box 10: For exports from a Party to the other Party to be eligible for preferential treatment the exporter must indicate in Box 10 the origin criteria on the basis of which he or she claims that his or her goods qualify for preferential treatment, in the manner shown in the following table:

Origin Criteria	
(a) Goods wholly obtained or produced in the country of exportation satisfying Article 3.3 (Wholly "WO" Obtained Goods)	"WO"
(b) Goods satisfying Article 3.4 (Sufficient Working or Processing) -Change in Tariff Classification - Qualifying Value Content Specific - Manufacturing or Processin	"CTC" "QVC" "SP"
(c) Goods Produced Exclusively from originating materials in accordance with subparagraph 1(c) of Article 3.2 (Originating Goods)	"PE"

Box 11: Gross weight should be shown here. Other units of measurement e.g. volume or number of items which would indicate exact quantities may be used when customary.

Box 12: Invoice number and date of invoices should be shown here. In an exceptional case where the invoice issued by a non-party is not available at the time of issuance of the certificate of origin, filling Box 12 shall not be required.

Box 13: This box must be completed, signed, and dated by the exporter. Insert the place, date of signature.

Box 14: This box must be completed, signed, dated, and stamped by the authorised person of the Competent Authority.